

Phụ lục I.10

CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ Y TẾ

Mục 1

CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tiểu mục 1.1

CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

I. Không thực hiện các thủ tục Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập quy định tại mục 1 Chương III Nghị định số 103/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

II. Không thực hiện các thủ tục Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập quy định tại Điều 15 và Điều 17 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và khoản 2 Điều 11 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 (hai) cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

III. Không thực hiện các thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập theo quy định tại Điều 20 và Điều 22 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và khoản 2 Điều 11 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP.

IV. Không thực hiện các thủ tục Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập quy định tại các Điều 29 và 30 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP.

V. Không thực hiện các thủ tục Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn quy định tại các Điều 46, 47 và 48 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP và Điều 13 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP.

B. LĨNH VỰC KINH DOANH HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN TRONG GIA DỤNG Y TẾ

I. Không thực hiện các thủ tục Công bố đủ điều kiện thực hiện sản xuất chế phẩm quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và Nghị định số 129/2024/NĐ-CP.

II. Không thực hiện các thủ tục Công bố đủ điều kiện thực hiện kiểm nghiệm quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

III. Không thực hiện các thủ tục Công bố đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và Nghị định số 129/2024/NĐ-CP.

IV. Không thực hiện các thủ tục Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm quy định tại Điều 42 và Điều 43 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và Nghị định số 129/2024/NĐ-CP.

Tiêu mục 1.2

ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

LĨNH VỰC KINH DOANH HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN TRONG GIA DỤNG Y TẾ

I. Thời gian nghiên cứu, xử lý hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 10 Điều 1 Nghị định số 129/2024/NĐ-CP, mục II.3 phần 11 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế và khoản IV Mục 1 Phụ lục I.13 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

1. Đối với hồ sơ đăng ký lưu hành chế phẩm quy định tại điểm a khoản 6 Điều 22 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2024/NĐ-CP, Sở Y tế có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở đăng ký lưu hành mới về việc yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ hoặc cấp hoặc không cấp số đăng ký lưu hành; trường hợp có yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ thì văn bản thông báo phải nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Trường hợp không cấp số đăng ký lưu hành phải nêu rõ lý do. Thời gian nghiên cứu, xử lý hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký mới chế phẩm không quá 20 ngày làm việc.

2. Đối với hồ sơ đăng ký lưu hành chế phẩm không thuộc quy định tại điểm a khoản 6 Điều 22 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2024/NĐ-CP, Sở Y tế có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở đăng ký lưu hành mới về việc yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ hoặc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc khảo nghiệm. Thời gian nghiên cứu, xử lý hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký mới chế phẩm theo quy định tại khoản 9 Điều 22 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2024/NĐ-CP không quá 60 ngày.

Trường hợp có yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ thì văn bản thông báo phải nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Trường hợp không chấp thuận việc khảo nghiệm phải nêu rõ lý do.

II. Thời gian thực hiện gia hạn số đăng ký lưu hành quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bởi mục II.3 phần 12 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP và khoản VI Mục 1 Phụ lục I.13 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở đăng ký về việc yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ hoặc cho phép hoặc không cho phép gia hạn số đăng ký lưu hành.

Trường hợp có yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ đăng ký gia hạn số đăng ký lưu hành thì văn bản thông báo phải nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi.

Trường hợp không cho phép gia hạn số đăng ký lưu hành phải nêu rõ lý do.

III. Thời gian thực hiện đăng ký lưu hành bổ sung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bởi mục II.3 phần 13, 14, 16 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP và khoản VII Mục 1 Phụ lục I.13 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở đăng ký lưu hành bổ sung về việc bổ sung, sửa đổi hồ sơ hoặc đồng ý hoặc không đồng ý với nội dung đăng ký lưu hành bổ sung và nêu rõ lý do.

IV. Thời gian thực hiện đăng ký lưu hành bổ sung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bởi mục II.3 phần 15 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP và khoản VIII Mục 1 Phụ lục I.13 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở đăng

ký lưu hành bổ sung về việc bổ sung, sửa đổi hồ sơ hoặc cho phép khảo nghiệm hoặc không cho phép khảo nghiệm và nêu rõ lý do.

V. Thời gian thực hiện đăng ký lưu hành bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bởi mục II.3 phần 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP và khoản IX Mục 1 Phụ lục I.13 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở đăng ký lưu hành bổ sung về việc:

1. Bổ sung, sửa đổi hồ sơ hoặc đồng ý hoặc không đồng ý với nội dung đăng ký lưu hành bổ sung và nêu rõ lý do (đối với trường hợp hồ sơ đăng ký lưu hành bổ sung không phải khảo nghiệm);

2. Bổ sung, sửa đổi hồ sơ hoặc cho phép khảo nghiệm hoặc không cho phép khảo nghiệm và nêu rõ lý do (đối với trường hợp hồ sơ đăng ký lưu hành bổ sung phải khảo nghiệm).

VI. Thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bởi mục II.3 phần 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP và khoản X Mục 1 Phụ lục I.13 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành. Trường hợp không cấp lại phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

VII. Thời hạn chủ sở hữu số đăng ký lưu hành được quyền lưu hành nhãn mới quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bởi mục II.2 phần 19 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP và khoản XI Mục 1 Phụ lục I.13 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo thay đổi nội dung nhãn (thời điểm tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ), nếu cơ quan tiếp nhận hồ sơ không có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung:

1. Chủ sở hữu số đăng ký lưu hành được quyền lưu hành nhãn mới;

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm bổ sung mẫu nhãn mới của chế phẩm vào hồ sơ đăng ký lưu hành.

VIII. Thời gian có văn bản thông báo cho tổ chức nhập khẩu để bổ sung, sửa đổi hồ sơ cấp giấy phép nhập khẩu quy định tại khoản 4 Điều 50 Nghị

định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bởi mục II.4 phần 20, 21, 22, 23 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP và khoản XII Mục 1 Phụ lục I.13 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Trường hợp hồ sơ đề nghị nhập khẩu chưa hoàn chỉnh thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản thông báo cho tổ chức nhập khẩu để bổ sung, sửa đổi hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ đề nghị nhập khẩu. Văn bản thông báo phải nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi.

Mục 2

CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

A. LĨNH VỰC CẢI NGHIỆN THUỐC LÁ

I. Không thực hiện nội dung về điều kiện thành lập và tổ chức hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 17 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13.

II. Không thực hiện nội dung về điều kiện thành lập và tổ chức hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá quy định tại Chương 2 Nghị định số 77/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về một số biện pháp phòng, chống tác hại của thuốc lá.

III. Không thực hiện nội dung xử phạt vi phạm quy định về cai nghiện thuốc lá quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định số 90/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

IV. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá quy định tại Điều 3 Nghị định số 77/2013/NĐ-CP phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Các hình thức tổ chức hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá
 - a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở cai nghiện thuốc lá, cơ sở tư vấn cai nghiện thuốc lá theo quy định của khoản A.IV Mục này;
 - b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tổ chức hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá.
2. Về thành lập cơ sở cai nghiện thuốc lá
 - a) Có quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở của Nhà nước hoặc có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở tư nhân.
 - b) Có người trực tiếp thực hiện hoạt động cai nghiện thuốc lá và phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - b1) Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

b2) Thực hiện đúng quy trình cai nghiện thuốc lá.

c) Có người trực tiếp thực hiện hoạt động tư vấn cai nghiện thuốc lá có kiến thức, hiểu biết về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe, các bệnh có nguyên nhân từ thuốc lá.

3. Về thành lập cơ sở tư vấn cai nghiện thuốc lá

a) Có quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở của Nhà nước hoặc có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở tư nhân.

b) Có người trực tiếp thực hiện hoạt động tư vấn cai nghiện thuốc lá có kiến thức, hiểu biết về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe, các bệnh có nguyên nhân từ thuốc lá.

4. Về tổ chức hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

a) Là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

b) Đối với hoạt động cai nghiện thuốc lá: Có đủ điều kiện quy định tại điểm A.IV.2.b Mục này.

c) Đối với hoạt động tư vấn cai nghiện thuốc lá: Có người trực tiếp thực hiện hoạt động tư vấn cai nghiện thuốc lá có kiến thức, hiểu biết về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe, các bệnh có nguyên nhân từ thuốc lá.

5. Về hoạt động của cơ sở cai nghiện thuốc lá, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tổ chức hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá

Việc cai nghiện thuốc lá phải thực hiện theo đúng quy trình do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

6. Về hoạt động của cơ sở tư vấn cai nghiện thuốc lá

Cơ sở tư vấn cai nghiện thuốc lá chỉ được thực hiện hoạt động tư vấn cai nghiện thuốc lá, không được thực hiện hoạt động cai nghiện thuốc lá.

7. Về thông báo về hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá

a) Nội dung thông báo của cơ sở cai nghiện thuốc lá, cơ sở tư vấn cai nghiện thuốc lá, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tổ chức hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá gửi Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm các thông tin sau:

a1) Tên, địa chỉ của cơ sở;

a2) Sổ quyết định thành lập đối với cơ sở của Nhà nước hoặc sổ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở tư nhân; sổ giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

a3) Phạm vi hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá của cơ sở;

a4) Họ và tên, số định danh cá nhân/Thẻ Căn cước, địa chỉ cư trú của người đứng đầu cơ sở; họ và tên, số chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của người trực tiếp thực hiện hoạt động cai nghiện thuốc lá đối với cơ sở cai nghiện thuốc lá, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tổ chức hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá;

b) Trước khi thực hiện hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá, cơ sở cai nghiện thuốc lá, cơ sở tư vấn cai nghiện thuốc lá, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tổ chức hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá đáp ứng đủ yêu cầu phải có văn bản trực tiếp gửi Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ sở hoạt động thông báo về hoạt động của cơ sở theo các nội dung quy định tại điểm a khoản này.

c) Cơ sở được thực hiện hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá sau 10 ngày kể từ ngày trực tiếp gửi văn bản thông báo về hoạt động của cơ sở đến Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ sở hoạt động.

d) Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm cấp phiếu tiếp nhận văn bản thông báo về hoạt động cai nghiện, tư vấn cai nghiện thuốc lá của cơ sở khi nhận được văn bản và tạo điều kiện, hướng dẫn, kiểm tra đối với các cơ sở trong suốt quá trình hoạt động.

B. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

I. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập quy định tại các Điều 23, 24, 25 và 26 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Về môi trường và vị trí: Cơ sở phải đặt tại địa điểm thuận tiện về tiếp cận giao thông, trường học, bệnh viện, không khí trong lành có lợi cho sức khỏe của đối tượng; có điện, nước sạch phục vụ cho sinh hoạt.

2. Về cơ sở vật chất

Cơ sở phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất sau:

a) Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 20 m²/đối tượng ở khu vực nông thôn, 10 m²/đối tượng ở khu vực thành thị. Đối với cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, diện tích đất tự nhiên phải đảm bảo tối thiểu 40 m²/đối tượng ở khu vực thành thị, 50 m²/đối tượng ở khu vực nông thôn, 60 m²/đối tượng ở khu vực miền núi.

b) Diện tích phòng ở của đối tượng bình quân tối thiểu 6 m²/đối tượng. Đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ một ngày, diện tích phòng ở bình quân tối thiểu 8 m²/đối tượng. Phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của đối tượng.

c) Cơ sở phải có khu nhà ở, khu nhà bếp, khu làm việc của cán bộ nhân viên, khu vui chơi giải trí, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện).

d) Các công trình, các trang thiết bị phải bảo đảm cho người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em tiếp cận và sử dụng thuận tiện.

3. Về nhân viên trợ giúp xã hội

a) Người đứng đầu cơ sở phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt, không mắc tệ nạn xã hội và không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích.

b) Nhân viên trợ giúp xã hội phải có sức khỏe để thực hiện trợ giúp xã hội đối tượng; có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt, không mắc tệ nạn xã hội và không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích; có kỹ năng để trợ giúp xã hội đối tượng.

c) Có đội ngũ nhân viên trợ giúp xã hội bảo đảm đủ về số lượng, trình độ chuyên môn đạt tiêu chuẩn phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ của cơ sở; Có nhân viên trực tiếp tư vấn, chăm sóc đối tượng.

4. Hoạt động bảo đảm công khai, minh bạch trong cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp và công tác xã hội theo đúng quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội và pháp luật có liên quan.

II. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn quy định tại Điều 44 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Người đứng đầu, nhân viên của cơ sở phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt, không mắc tệ nạn xã hội; không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích.

2. Có nhân viên trợ giúp xã hội cho đối tượng.

3. Đáp ứng các điều kiện cơ bản về nhà ở, nhà bếp, điện, nước phục vụ sinh hoạt hằng ngày cho đối tượng.

4. Hoạt động bảo đảm công khai, minh bạch trong cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp và công tác xã hội theo đúng quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội và pháp luật có liên quan.

III. Tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc, cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Sở Y tế các tỉnh, thành phố (nơi đặt trụ sở chính của cơ sở) trước khi tổ chức hoạt động 05 ngày làm việc (*theo Mẫu số 01 Phụ lục I.10 ban hành kèm theo Nghị quyết này*). Sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của cơ sở, Sở Y tế có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại khoản B.I Mục này.

Trường hợp cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc, cơ sở trợ giúp xã hội không đáp ứng các yêu cầu nêu tại khoản B.I Mục này, Sở Y tế có thẩm quyền tạm dừng hoạt động trong thời gian tối đa 06 tháng để cơ sở kiện toàn các yêu cầu theo thông báo của Sở Y tế. Trước khi cơ sở hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền về việc đã thực hiện khắc phục và đáp ứng các yêu cầu theo Thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ sở nhận được Thông báo của Sở Y tế về tạm dừng hoạt động để kiện toàn các yêu cầu, nếu cơ sở không đáp ứng yêu cầu thì Sở Y tế có thẩm quyền quyết định chấm dứt hoạt động cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc, cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật. Cơ sở có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của đối tượng trong thời gian tạm dừng hoạt động hoặc khi chấm dứt hoạt động.

2. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn:

Người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc, cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đặt trụ sở chính của cơ sở) trước khi tổ chức hoạt động 05 ngày làm việc (*theo Mẫu số 01 Phụ lục I.10 ban hành kèm theo Nghị quyết này*). Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại khoản B.II Mục này.

Trường hợp cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc, cơ sở trợ giúp xã hội không đáp ứng các yêu cầu nêu tại khoản B.II Mục này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền tạm dừng hoạt động trong thời gian tối đa 03 tháng để cơ sở kiện toàn các yêu cầu theo thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trước khi cơ sở hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền về việc đã thực hiện khắc phục và đáp ứng các yêu cầu theo Thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

Sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ sở nhận được Thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tạm dừng hoạt động để kiện toàn các yêu cầu, nếu cơ

sở không đáp ứng yêu cầu thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền quyết định chấm dứt hoạt động cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc, cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật. Cơ sở có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của đối tượng trong thời gian tạm dừng hoạt động hoặc khi chấm dứt hoạt động.

IV. Không thực hiện nội dung quy định điều kiện đối với cơ sở vật chất của cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập quy định tại các Điều 23, 24, 25, 26 và Điều 44 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP và phần V mục 2 phụ lục I.13 của Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

C. LĨNH VỰC KINH DOANH HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN TRONG GIA DỤNG Y TẾ

I. Tổ chức, cá nhân sản xuất chế phẩm quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Là doanh nghiệp, tổ chức hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu về nhân sự

Có ít nhất 01 người chuyên trách về an toàn hóa chất, có trình độ từ trung cấp về hóa học trở lên, làm việc toàn thời gian tại cơ sở sản xuất.

3. Yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị:

a) Nhà xưởng phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với tính chất, quy mô và công nghệ sản xuất, lưu trữ hóa chất.

b) Nhà xưởng, kho chứa phải có lối, cửa thoát hiểm. Lối thoát hiểm phải được chỉ dẫn rõ ràng bằng bảng hiệu, đèn báo và được thiết kế thuận lợi cho việc thoát hiểm, cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp.

c) Hệ thống thông gió của nhà xưởng, kho chứa phải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về hệ thống thông gió.

d) Hệ thống chiếu sáng đảm bảo theo quy định để đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu trữ hóa chất. Thiết bị điện trong nhà xưởng, kho chứa có hóa chất dễ cháy, nổ phải đáp ứng các tiêu chuẩn về phòng, chống cháy, nổ.

đ) Sàn nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải chịu được hóa chất, tải trọng, không gây trơn trượt, có rãnh thu gom và thoát nước tốt.

e) Nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất, treo ở nơi dễ thấy. Các biển báo thể hiện các đặc tính nguy hiểm của hóa chất phải có các thông tin: Mã nhận dạng hóa chất; hình đồ cảnh báo, từ cảnh báo, cảnh báo nguy cơ.

Trường hợp hóa chất có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì hình đồ cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm đó. Tại khu vực sản xuất có hóa chất nguy hiểm phải có bảng hướng dẫn cụ thể về quy trình thao tác an toàn ở vị trí dễ đọc, dễ thấy.

g) Nhà xưởng, kho chứa phải có hệ thống thu lôi chống sét hoặc nằm trong khu vực được chống sét an toàn và được định kỳ kiểm tra theo các quy định hiện hành.

h) Đối với bồn chứa ngoài trời phải xây dê bao hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để đảm bảo hóa chất không thoát ra môi trường khi xảy ra sự cố hóa chất và có biện pháp phòng chống cháy nổ, chống sét.

i) Nhà xưởng, kho chứa phải đáp ứng đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

k) Công nghệ sản xuất hóa chất được lựa chọn đảm bảo giảm thiểu nguy cơ gây sự cố hóa chất, ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ.

l) Thiết bị kỹ thuật phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với chủng loại hóa chất và quy trình công nghệ, đáp ứng được công suất sản xuất, quy mô kinh doanh. Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, bảo dưỡng theo quy định hiện hành về kiểm định máy móc, thiết bị.

m) Vật chứa, bao bì phải đảm bảo kín, chắc chắn, có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc xếp, vận chuyển. Bao bì đã qua sử dụng phải bảo quản riêng. Trước khi nạp hóa chất, cơ sở thực hiện nạp phải kiểm tra bao bì, vật chứa hóa chất, làm sạch bao bì đã qua sử dụng để loại trừ khả năng phản ứng, cháy nổ khi nạp hóa chất. Các vật chứa, bao bì đã qua sử dụng nhưng không sử dụng lại phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

n) Vật chứa, bao bì chứa đựng hóa chất phải có nhãn ghi đầy đủ các nội dung theo quy định về ghi nhãn hóa chất. Nhãn của hóa chất phải đảm bảo rõ, dễ đọc và có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc xếp, vận chuyển.

o) Các hóa chất nguy hiểm phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản chung các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau hoặc có yêu cầu về an toàn hóa chất, phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực.

p) Hóa chất trong kho phải được bảo quản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, đảm bảo yêu cầu an toàn, thuận lợi cho công tác ứng phó sự cố hóa chất.

q) Quá trình vận chuyển hóa chất phải thực hiện theo quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm.

r) Hoạt động san chiết, đóng gói hóa chất phải được thực hiện tại địa điểm đảm bảo các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

s) Thiết bị san chiết, đóng gói hóa chất phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành. Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, bảo dưỡng theo quy định hiện hành về kiểm định máy móc, thiết bị.

t) Người lao động trực tiếp san chiết, đóng gói hóa chất phải được huấn luyện về an toàn hóa chất.

u) Có phòng kiểm nghiệm được thành phần và hàm lượng hoạt chất của chế phẩm do cơ sở sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất không có phòng kiểm nghiệm thì phải có hợp đồng thuê cơ sở kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

v) Trước khi thực hiện sản xuất chế phẩm lần đầu hoặc khi có thay đổi, cơ sở sản xuất gửi Thông báo (*theo Mẫu số 02 Phụ lục I.10 ban hành kèm theo Nghị quyết này*) đến Sở Y tế nơi cơ sở đặt trụ sở.

4. Không thực hiện nội dung quy định điều kiện đối với cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong gia dụng y tế quy định tại các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và phần I mục 2 Phụ lục I.13 của Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

II. Cắt giảm điều kiện đối với cơ sở kiểm nghiệm

1. Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm nghiệm quy định tại Điều 10 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Là doanh nghiệp, tổ chức hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

b) Được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025 hoặc ISO 15189.

c) Trước khi thực hiện kiểm nghiệm lần đầu hoặc khi có thay đổi, cơ sở kiểm nghiệm gửi Thông báo (*theo Mẫu số 03 Phụ lục I.10 ban hành kèm theo Nghị quyết này*) đến Sở Y tế nơi cơ sở đặt trụ sở.

2. Không thực hiện nội dung quy định điều kiện đối với cơ sở kiểm nghiệm chế phẩm quy định tại Điều 10 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP và phần II mục 2 Phụ lục I.13 của Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

III. Cắt giảm điều kiện đối với cơ sở khảo nghiệm

1. Tổ chức thực hiện hoạt động khảo nghiệm quy định tại Điều 14 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Là doanh nghiệp, tổ chức hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

b) Người phụ trách bộ phận khảo nghiệm có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khảo nghiệm chế phẩm.

c) Có phòng khảo nghiệm được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025 hoặc ISO 15189. Trường hợp có hoạt động dịch vụ thử nghiệm thì hoạt động thử nghiệm phải được đăng ký theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

d) Có các chủng côn trùng, vi khuẩn, vi rút đủ cho quy trình khảo nghiệm.

đ) Trước khi thực hiện khảo nghiệm lần đầu hoặc khi có thay đổi, cơ sở khảo nghiệm gửi Thông báo (*theo Mẫu số 04 kèm theo Phụ lục I.10 ban hành kèm theo Nghị quyết này*) đến Sở Y tế nơi cơ sở đặt trụ sở.

2. Không thực hiện nội dung quy định điều kiện đối với cơ sở khảo nghiệm chế phẩm quy định tại Điều 14 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và phần III mục 2 Phụ lục I.13 của Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

IV. Cắt giảm điều kiện đối với cơ sở cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm quy định tại Điều 41 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Là doanh nghiệp, tổ chức hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

b) Người trực tiếp thực hiện diệt côn trùng, diệt khuẩn phải được tập huấn kiến thức và được chủ cơ sở xác nhận đã được tập huấn về cách đọc thông tin trên nhãn chế phẩm;

c) Người trực tiếp thực hiện diệt côn trùng, diệt khuẩn phải được tập huấn kiến thức và được chủ cơ sở xác nhận đã được tập huấn về Kỹ thuật diệt côn trùng, diệt khuẩn phù hợp với dịch vụ mà cơ sở cung cấp.

d) Người trực tiếp thực hiện diệt côn trùng, diệt khuẩn phải được tập huấn kiến thức và được chủ cơ sở xác nhận đã được tập huấn về Sử dụng và thải bỏ an toàn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.

đ) Trước khi thực hiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm lần đầu hoặc khi có thay đổi, cơ sở cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm gửi Thông báo (*theo Mẫu số 05 kèm theo Phụ lục I.10 ban hành kèm theo Nghị quyết này*) đến Sở Y tế nơi cơ sở đặt trụ sở.

2. Không thực hiện nội dung quy định điều kiện đối với cơ sở cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm quy định tại Điều 41 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và phần IV mục 2 phụ lục I.13 của Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

Mẫu số 01

TÊN CƠ SỞ TGXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....-.....

....., ngày tháng năm 20...

Về việc thông báo hoạt
động của cơ sở TGXH

THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ TGXH

Kính gửi:

Căn cứ pháp lý:

1. Tên cơ sở, địa chỉ trụ sở, số điện thoại, số fax

.....

2. Họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, hộ chiếu/số định danh cá nhân hoặc
chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các sáng lập viên hoặc người đại diện
theo pháp luật của tổ chức

3. Loại hình cơ sở:

4. Địa bàn hoạt động:.....

5. Đối tượng phục vụ.....

6. Chức năng.....

7. Các nhiệm vụ của cơ sở.....

8. Vốn điều lệ; vốn của doanh nghiệp thành lập (vốn đầu tư).....

9. Thông tin đăng ký thuế.....

10. Số chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc Sổ hợp đồng cho
thuê, mượn đất đai, cơ sở vật chất và tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt
động của cơ sở.

Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trên và cam kết
thực hiện đúng các yêu cầu về hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹, ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ SỞ THỰC HIỆN SẢN XUẤT CHẾ PHẨM

Kính gửi:²

1. Tên cơ sở:.....

Địa chỉ trụ sở:.....³

Điện thoại:.....Fax:

Email:..... Website (nếu có):.....

2. Người đại diện theo pháp luật của cơ sở sản xuất:

Họ và tên:.....

Điện thoại cố định:..... Điện thoại di động:

Fax:..... Email:

3. Địa chỉ nơi sản xuất:.....⁴

4. Thông báo lần đầu ☐⁵

Thông báo lại ☐

5. Các chế phẩm do cơ sở sản xuất:

STT	Tên chế phẩm	Dạng chế phẩm	Quy mô (..... ⁶/năm)	Ghi chú
1				
2				

Sau khi nghiên cứu Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ, chúng tôi thông báo cơ sở sản xuất của chúng tôi đủ điều kiện sản xuất chế phẩm và gửi kèm theo văn bản này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

1	Bản kê khai nhân sự	<input type="checkbox"/>
2	Văn bản phân công người điều hành sản xuất (đối với cơ sở sử dụng hóa chất nguy hiểm)	<input type="checkbox"/>

3	Sơ đồ mặt bằng nhà xưởng, kho	<input type="checkbox"/>
4	Danh mục trang thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất và ứng cứu sự cố hóa chất	<input type="checkbox"/>

Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trên và cam kết thực hiện đúng các yêu cầu về hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký trực tiếp, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Địa danh.

² Sở Y tế nơi cơ sở sản xuất đặt trụ sở.

³ Ghi theo địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

⁴ Nếu trùng với địa chỉ nơi đăng ký kinh doanh thì ghi “tại trụ sở”.

⁵ Đánh dấu vào ô thông báo lần đầu hoặc thông báo lại.

⁶ Đơn vị trọng lượng hoặc thể tích.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹, ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ THỰC HIỆN KIỂM NGHIỆM

Kính gửi: Sở Y tế

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:..... Fax:

Email:..... Website (nếu có):.....

2. Địa chỉ phòng kiểm nghiệm:

3. Thông báo lần đầu ☐²

Thông báo lại ☐

Sau khi nghiên cứu Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ, chúng tôi thông báo cơ sở kiểm nghiệm của chúng tôi đủ điều kiện thực hiện kiểm nghiệm và gửi kèm theo văn bản này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

1	Danh mục tên các hoạt chất mà cơ sở có khả năng kiểm nghiệm	<input type="checkbox"/>
2	Giấy chứng nhận đạt được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025 hoặc ISO 15189	<input type="checkbox"/>

Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trên và cam kết thực hiện đúng các yêu cầu về hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký trực tiếp, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹Địa danh.

²Đánh dấu vào ô thông báo lần đầu hoặc thông báo lại.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹, ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM

Kính gửi: Sở Y tế

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website (nếu có):

2. Thông báo lần đầu ☐²

Thông báo lại ☐

Sau khi nghiên cứu Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ, chúng tôi thông báo cơ sở khảo nghiệm của chúng tôi đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm chế phẩm và gửi kèm theo văn bản này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

1	Danh mục tên các quy trình khảo nghiệm mà cơ sở có khả năng khảo nghiệm	<input type="checkbox"/>
2	Bản kê khai nhân sự	<input type="checkbox"/>
3	Giấy chứng nhận được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025 hoặc ISO 15189	<input type="checkbox"/>

Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trên và cam kết thực hiện đúng các yêu cầu về hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký trực tiếp, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Địa danh.

² Đánh dấu vào ô thông báo lần đầu hoặc thông báo lại.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹, ngày tháng năm 20...

**THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ THỰC HIỆN CUNG CẤP
 DỊCH VỤ DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN BẰNG CHẾ PHẨM**

Kính gửi:.....²

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ trụ sở: ³

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

2. Thông báo lần đầu ☐⁴

Thông báo lại ☐

Sau khi nghiên cứu Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ, chúng tôi thông báo cơ sở của chúng tôi đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm và gửi kèm theo văn bản này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

1	Danh mục các dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn do cơ sở cung cấp	<input type="checkbox"/>
2	Danh sách người được tập huấn kiến thức có xác nhận của chủ cơ sở	<input type="checkbox"/>

Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trên và cam kết thực hiện đúng các yêu cầu về hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký trực tiếp, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹Địa danh.

²Sở Y tế nơi cơ sở cung cấp dịch vụ đặt trụ sở.

³Ghi theo địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴Đánh dấu vào ô thông báo lần đầu hoặc thông báo lại.